

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Thực hiện Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị Công ty xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019 và kế hoạch 2020 như sau:

I. Tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực Phẩm Việt Nam (sau đây gọi là “Vinaherbfoods” hoặc “Công ty”) trong năm 2019.

Năm 2019 là năm hoạt động thứ 4 của Vinaherbfoods với sự bứt phá chuyển mình mạnh mẽ trong lĩnh vực xuất khẩu và sản phẩm nước uống thảo dược đã từng bước tạo được thương hiệu trên thị trường.

Về kết quả kinh doanh, Hội đồng quản trị (“HĐQT”) đánh giá Công ty và Ban Giám Đốc đã có nhiều cố gắng, do muốn tăng thị phần của Doanh thu ngành nước uống thảo dược trong tổng doanh thu của cả Công ty nên tuy doanh thu không đạt so với kế hoạch đề ra nhưng Doanh thu năm 2019 của Vinaherbfoods vẫn khá ấn tượng là 143,575 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 9,035 tỷ đồng, tăng trưởng lợi nhuận sau thuế là 59,7% so với năm 2018.

Về ngành nghề hoạt động, năm 2019 được coi là năm tiền đề cho bước tiến của Công ty sang lĩnh vực mới, Công ty đã từng bước thâm nhập sâu vào thị trường sản phẩm nước uống thảo dược đóng chai. Đạt doanh thu ấn tượng từ nước uống thảo dược là 20,86 tỷ đồng chiếm 14,53% trong tổng doanh thu năm 2019.

Ban giám đốc với tầm nhìn chiến lược, sự sáng tạo, năng động, kinh nghiệm, quyết đoán, thống nhất, cùng với sự quyết tâm đồng thuận cao của đội ngũ lao động có tay nghề gắn bó với Công ty; đã từng bước đưa thương hiệu Nước uống thảo dược đóng chai thâm nhập sâu vào thị trường nước uống thảo dược đồng thời nâng cao vị thế, uy tín, hình ảnh Vinaherbfoods đối với khách hàng, nhà cung cấp trong và ngoài nước trên lĩnh vực xuất khẩu dược liệu.

Công tác đầu tư công nghệ và nguồn nhân lực được chú trọng phát triển khẳng định cam kết của Lãnh đạo trong định hướng chiến lược phát triển lâu dài và bền vững.

II. Hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Các hoạt động chung:

Trong năm 2019, HĐQT đã hoạch định chính sách, chủ trương và kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty.

Năm 2020, HĐQT đã xem xét, thống nhất, quyết định một số nội dung quan trọng để hoàn thành mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 đồng thời ban hành các nghị quyết thông qua chủ trương quan trọng đối với định hướng và phát triển của Công ty, trong đó với nội dung chính sau:

- Nghiên cứu đầu tư đổi mới công nghệ phù hợp, nâng cao chất lượng sản phẩm, năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm.
- Huy động các khoản vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Hoạt động giám sát của HĐQT:

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Tổ chức giám sát thực hiện và chuẩn bị nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh đặc biệt là dây chuyền lon sắp tới.

- Ngày 06 tháng 04 năm 2019 Vinaherbfoods tổ chức thành công cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2019;

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính năm 2019;

Giám sát thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHCĐ đã ban hành;

- Giám sát hoạt động quản lý của Ban Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra;

- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định;

III. Định hướng hoạt động của HĐQT năm 2020

• Mục tiêu

Xây dựng Công ty Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.

Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

• Định hướng thực hiện

Về quy mô, Công ty tiếp tục giữ vững và ổn định thị trường xuất khẩu dược liệu. Đồng thời mở rộng thị trường nước uống thảo dược sang các thị trường Hàn Quốc, Châu Âu, các nước trong khu vực Đông Nam Á. Lĩnh vực kinh doanh nước uống thảo dược được Công ty ưu tiên đầu tư mạnh mẽ, hướng tới các sản phẩm thuần thảo dược, sản phẩm mang tính chất chế biến hạn chế xuất thô. Mục tiêu giữ vững và ổn định thị trường.

Về quản trị, năm 2020, Công ty tiếp tục mở rộng tuyển dụng các nhân sự chủ chốt để thúc đẩy việc mở rộng thị trường nước uống thảo dược đặc biệt là nước uống thảo dược đóng lon và túi sắp tới.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam trong năm 2019 và kế hoạch 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

CHỦ TỊCH

BÙI TIẾN VINH

Số: 02/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2020

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CÔNG TY
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2019**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Năm 2019, kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng chậm, tuy nhiên kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng mạnh mẽ và là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng GDP đạt trên 7% kể từ năm 2011. Lạm phát tiếp tục được duy trì ở mức thấp, nằm trong ngưỡng kế hoạch đề ra. Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12/2019 tăng 1,1% so với tháng trước và tăng 10,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2019, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,5% so với năm trước. Đây là những dấu hiệu cho thấy nền kinh tế trong nước năm 2019 tương đối ổn định.

Trong bối cảnh năm 2019 có nhiều thuận lợi đi kèm theo thách thức, hoạt động của Công ty CP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (“Công ty Vinaherbfoods”) đã có đà tăng trưởng mạnh mẽ và tiếp tục gặt hái được nhiều thành công trong lĩnh vực xuất khẩu nguyên liệu ngành dược, và đã thâm nhập sâu vào thị trường nước uống thảo dược đóng chai. Trong năm 2019, Ban Kiểm soát (“BKS”) đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc (“BGĐ”) bám sát việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) và HĐQT.

Với chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty Vinaherbfoods, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, BKS trong năm 2019 đã nỗ lực hoàn thành các công việc như giám sát, kiểm tra tính tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty Vinaherbfoods liên quan tới công tác kế toán, tài chính, hoạt động đầu tư, dự án sản xuất, triển khai kinh doanh mới, đồng thời tiến hành kiểm tra định kỳ Báo cáo tài chính của Công ty.

Thay mặt BKS, tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

1. Về tình hình tài chính của Công ty Vinaherbfoods:

BKS thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2019 đã được BGĐ Công ty Vinaherbfoods lập và được Công ty TNHH kiểm toán BDO kiểm toán. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác tình hình tài chính của Công ty Vinaherbfoods tại thời điểm ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2019 đến 31/12/2019.

Các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2019 thể hiện trên báo cáo tài chính như sau:

- a. Về kết quả kinh doanh:
 - Doanh thu thuần : 143,575 tỷ đồng

- Tổng lợi nhuận trước thuế : 11,296 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 9,035 tỷ đồng
- b. Về tài sản:
 - Tài sản ngắn hạn : 107,513 tỷ đồng
 - Tài sản dài hạn : 66,458 tỷ đồng
 - Tổng tài sản : 173,971 tỷ đồng
- c. Vốn chủ sở hữu: 88 tỷ đồng

Tổng kết:

Năm 2019, doanh thu thuần của Công ty Vinaherbfoods đạt mức 143,575 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế đạt 9,035 tỷ đồng, tăng 59,7% so với năm 2018.

2. Đánh giá việc tuân thủ Pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:

Việc tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định của Pháp luật luôn được xác định là một nhiệm vụ quan trọng đối với Công ty Vinaherbfoods. Qua kiểm tra, theo dõi và đánh giá, các hoạt động của Công ty trong năm 2018 được đảm bảo an toàn, tuân thủ theo đúng Pháp luật, việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT cũng được các cán bộ quản lý giám sát chặt chẽ. Trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của mình, BKS đánh giá BGD và lãnh đạo công ty cũng như các phòng, ban liên quan đã tổ chức thực hiện tốt và không phát sinh rủi ro hay vi phạm nào trọng yếu, ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty Vinaherbfoods.

Bước sang năm 2020, quá nhiều thách thức và trở ngại từ bên ngoài cùng với sự gia tăng nhanh chóng khối lượng công việc của Công ty, để đạt được những mục tiêu và kế hoạch đề ra của ĐHĐCĐ, HĐQT, nhiệm vụ của BGD và cán bộ nhân viên hết sức nặng nề. Khó khăn và thách thức còn nhiều đòi hỏi sự nỗ lực của từng cán bộ nhân viên Công ty cũng như sự ủng hộ và tin tưởng của Quý vị Cổ đông. Trong hoạt động của BKS, để phát huy được vai trò và thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, BKS sẽ phải cố gắng nhiều hơn nữa và chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự ủng hộ của các Quý Cổ đông, HĐQT cũng như sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ của BGD và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty Vinaherbfoods.

Nhân dịp này, thay mặt BKS, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, HĐQT và BGD Công ty Vinaherbfoods lời chúc sức khỏe.

Chúc đại hội thành công tốt đẹp!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn phòng Công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban Kiểm Soát

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019, KẾ HOẠCH NĂM 2020

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm 2019

Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam trong năm 2019.

*** Những thuận lợi:**

Năm 2019, tăng trưởng GDP Việt Nam rất tích cực với mức tăng GDP đạt 7,02%. Nền kinh tế năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng trên 7%, thấp hơn năm 2018 nhưng cao hơn giai đoạn 10 năm trước đó. Lạm phát ở mức 2,73% như vậy lạm phát năm 2019 thấp nhất trong 3 năm gần đây khi năm 2018 là 3,54% và năm 2017 là 3,53%. Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (“**Vinaherbfoods**”) tiếp tục khẳng định được vị thế trong lĩnh vực xuất khẩu, và đã từng bước mở rộng đi sâu hơn vào thị trường nước uống thảo dược.

*** Những khó khăn:**

Thị trường thực phẩm và đồ uống Việt Nam ngày càng hấp dẫn đối với các doanh nghiệp ngoại với hàng loạt các thương vụ chuyển giao, mua bán, sáp nhập giữa DN ngoại và các đơn vị trong nước. Đây cũng là thách thức lớn đối với các doanh nghiệp nội khi sức cạnh tranh của các doanh nghiệp này còn yếu, đòi hỏi phải có sự nỗ lực trong việc đổi mới, thích nghi để hòa vào “sân chơi” thương mại chung.

Xuất khẩu nhóm hàng nông sản trong năm 2019 đạt 16,91 tỷ USD, giảm 4,9% so với năm trước (tương ứng giảm 876triệu USD). Thị trường xuất khẩu nhiều biến động đã ảnh hưởng đến lĩnh vực xuất khẩu nông lâm sản, dược liệu của Công ty.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh đạt được trong năm 2019

Với tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, Ban điều hành đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sự chỉ đạo tích cực triển khai các nghị quyết của Hội đồng

quản trị, thực hiện kiện toàn bộ máy tổ chức và tìm hướng tháo gỡ những khó khăn trong năm 2019.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019

Đơn vị: Nghìn đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm năm 2019/2018
1	Tổng tài sản	173,971,300	157,831,919	10.23
2	Vốn chủ sở hữu	110,741,943	101,706,875	8.88
3	Doanh thu thuần	143,575,501	208,006,106	(30.98)
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10,723,703	7,253,073	47.85
5	Lợi nhuận khác	789,540	5,210	15,053.15
6	Lợi nhuận trước thuế	11,295,859	7,084,652	59.44
7	Lợi nhuận sau thuế	9,035,068	5,657,518	59.70

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019)

Doanh thu thuần năm 2019 giảm so với cùng kỳ năm trước -30.98% là do: doanh thu từ hoạt động xuất khẩu biến động giảm từ 203 tỷ đồng xuống còn 122 tỷ đồng tương đương - 39.90% nguyên nhân thị trường xuất khẩu năm nay có nhiều biến động nên Công ty tạm dừng ký hợp đồng xuất khẩu với 1 số đối tác. Chờ thị trường 2020 ổn định lại sẽ xúc tiến mảng xuất khẩu hoạt động trở lại. Tuy nhiên lợi nhuận gộp từ hoạt động xuất khẩu hàng nông sản tăng từ 9% lên 19% , lợi nhuận gộp từ hoạt động bán nước thảo dược tăng từ 37% lên 44%. Từ những nguyên nhân trên làm cho lợi nhuận sau thuế thu nhập 2019 tăng so với cùng kỳ năm trước 3,3 tỷ đồng tương đương -59.70%.

III. Mục tiêu, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020

1. Triển vọng phát triển của ngành

- Kinh tế Việt Nam sáng sủa với sự tăng trưởng ổn định. Kỳ vọng trong giai đoạn 2020 -2025, GDP tăng 6-7%, CPI tăng 3-4%. Ngành dịch vụ và hàng tiêu dùng được xem là yếu tố chính góp phần phát triển kinh tế Việt Nam năm 2019.
- Người tiêu dùng Việt Nam lạc quan về triển vọng tương lai. Tuy nhiên, an toàn thực phẩm, sức khỏe và các vấn đề môi trường là mối quan tâm hàng đầu của họ.

- Người tiêu dùng Việt chủ yếu chi tiêu cho đồ ăn và hàng tiêu dùng (27,1% ở thành phố lớn và 26,9% ở nông thôn).
- Tổng giá trị FMCG tăng 5,5% ở 4 thành phố lớn và 8,8% ở nông thôn (dự báo giai đoạn 2020-2025 tăng trưởng 5-6%). Thức uống và đồ dùng chăm sóc cá nhân là các ngành hàng có mức độ tăng trưởng cao nhất.
- Thương mại truyền thống vẫn chiếm ưu thế trong lĩnh vực FMCG, nhưng gần đây đã xuất hiện thêm các đối thủ thương mại hiện đại mới như cửa hàng bán lẻ, cửa hàng chuyên doanh và mua sắm trực tuyến.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

Năm 2020 dịch bệnh Covid-19 khiến cho nền kinh tế bị suy thoái trầm trọng, cuộc chiến Mỹ Trung vẫn diễn ra căng thẳng. Những khó khăn đó cùng với định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo một số chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu sau:

- Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là khoảng 110 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là khoảng 400 triệu đồng;

Trên đây là báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2019 và kế hoạch dự kiến năm 2020, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO ký ngày 23/03/2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua .

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông....;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

BÙI TIẾN VINH

Số : 05/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 13 tháng 04 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019

a) Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (ĐVT: Triệu đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế	11.295
2. Thuế TNDN phải nộp	2.260
3. Lợi nhuận sau thuế	9.035
4. Phân phối lợi nhuận	0
5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước	13.706
6. Tổng lợi nhuận đến hết năm 2019	22.741
7. Đề nghị chia cổ tức	20%/vốn điều lệ
8. Lợi nhuận chuyển năm sau	5.141

b) Chia cổ tức năm 2019

Mức chi trả cổ tức năm 2019: 20%/ vốn điều lệ

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020:

Theo kế hoạch kinh doanh của năm 2020, Hội đồng quản trị dự kiến kế hoạch sử dụng lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2020 là: 0 đồng;
- Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2020 dự kiến: 0%

Trên đây là nội dung phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận cho năm 2020.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số : 06/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 6 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu:

Phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng phát hành: 1.760.000 cổ phần (*Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn cổ phần*).
4. Tổng giá trị phát hành: 17.600.000.000 (*Mười bảy tỷ sáu trăm triệu đồng*).
5. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
6. Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ công ty bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
7. Nguồn vốn phát hành: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thời điểm 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
8. Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký

cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu trả cổ tức do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

9. Tỷ lệ thực hiện: 100:20 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 20 cổ phần phát hành thêm).

10. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu. Nếu tổng số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ mà vẫn phát sinh cổ phiếu lẻ thì tiếp tục được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 118 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 100:20 cổ đông A sẽ nhận được cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $118 : 100 \times 20 = 23,6$. Cổ đông Nguyễn Văn A nhận được 23,6 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng làm cổ phiếu quỹ. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận 23 cổ phiếu mới và 6.000 đồng tiền mặt.

11. Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III, IV/2020 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

II. Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

- Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.
- Và các công việc khác có liên quan.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TIẾN VINH

TỜ TRÌNH

***V/v: Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC cho năm tài chính
2020***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ yêu cầu lựa chọn Công ty kiểm toán.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để đảm bảo chủ động cho việc lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán theo quy định hiện hành để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

BÙI TIẾN VINH

TỜ TRÌNH

V/v: Thay đổi mô hình quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định 71/2017 là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017 là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ nhu cầu thực tế tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua việc thay đổi mô hình quản trị, kiểm soát của Công ty như sau:

I. Thay đổi mô hình quản trị, kiểm soát của Công ty

1. Mô hình quản trị kiểm soát hiện tại của Công ty:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban kiểm soát;
 - Tổng giám đốc.
2. Mô hình quản trị, kiểm soát đề xuất thay đổi:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị (Có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị);
 - Tổng giám đốc.

II. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021

Giải thể Ban kiểm soát và Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021 kể từ ngày 27/06/2020, để phù hợp với phương án chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện rà soát, ban hành các Quy chế nội bộ để Công ty có thể áp dụng mô hình quản trị, kiểm soát mới và các thủ tục đăng ký, thay đổi với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ
THỰC PHẨM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số : 09/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo cơ cấu Quản trị mới

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật hợp nhất luật chứng khoán số 27/VBHN-VPQH ngày 18/12/2013;
- Căn cứ Nghị định 71/2017 là Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty như sau:

Do thay đổi mô hình Quản trị công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành theo mô hình quản trị mới không có Ban kiểm soát.

Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này. Các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

BÙI TIẾN VINH

Số: 10/2020/TTr-ĐHCD-VHE

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Ban hành quy chế quản trị

**Kính trình: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam**

Ngày 06/07/2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quy chế quản trị đối với công ty đại chúng (“sau đây gọi tắt là “**Nghị định 71**”). Nghị định số 71 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/08/2017.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam kính trình Đại hội cổ đông xem xét và phê duyệt các nội dung sau:

1. Thông qua Quy chế quản trị nội bộ của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam.
2. Giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chỉ đạo việc ban hành Quy chế quản trị của Công ty để áp dụng. Quy chế quản trị có hiệu lực kể từ ngày ký.

Kính trình Đại hội cổ đông thông qua!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Tiến Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số : 11/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm của ông Lê Hữu Lợi ngày 04/12/2019

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đối với Ông Lê Hữu Lợi kể từ ngày 04/12/2019;
2. Thông qua việc thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 là 06 thành viên.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TIẾN VINH

Số : 12/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 17 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua các nội dung sau:

I. Phương án phát hành cổ phiếu:

Phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
3. Số lượng phát hành: 1.760.000 cổ phần (*Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn cổ phần*).
4. Tổng giá trị phát hành: 17.600.000.000 (*Mười bảy tỷ sáu trăm triệu đồng*).
5. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
6. Mục đích phát hành: Tăng vốn điều lệ công ty bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
7. Nguồn vốn phát hành: Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thời điểm 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
8. Đối tượng phát hành: Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký

cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu trả cổ tức do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

9. Tỷ lệ thực hiện: 100:20 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 20 cổ phần phát hành thêm).

10. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh: Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu. Nếu tổng số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ mà vẫn phát sinh cổ phiếu lẻ thì tiếp tục được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 118 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 100:20 cổ đông A sẽ nhận được cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $118 : 100 \times 20 = 23,6$. Cổ đông Nguyễn Văn A nhận được 23,6 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số lượng 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng làm cổ phiếu quỹ. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận 23 cổ phiếu mới và 6.000 đồng tiền mặt.

11. Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III, IV/2020 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

II. Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị

- Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký giao dịch chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.
- Và các công việc khác có liên quan.

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

BÙI TIẾN VINH

Số: 13/2020/TTr-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM
Về phương án huy động vốn
phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội thông qua ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- Tình hình thực tế của Công ty hiện nay,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (“Công ty”) kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét phê chuẩn thông qua Phương án huy động vốn (thực hiện một trong các phương án hoặc kết hợp đồng thời các phương án) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020 - 2021 với tổng trị giá vốn cần huy động là 52.800.000.000 đồng, chi tiết như sau:

I. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU RIÊNG LẺ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

1. Mục đích phát hành:

Huy động vốn trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2. Tình hình cổ phần trước khi phát hành của Công ty:

- Số lượng cổ phần: 10.560.000 cổ phần;
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

3. Phương án phát hành:

- Tên Cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông;
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần;
- Tổng số cổ phần phát hành: 5.280.000 cổ phần.
- Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 52.800.000.000 đồng (*Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng*);
- Phương thức phát hành: Chào bán cổ phần riêng lẻ;
- Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược:
 - Là tổ chức, cá nhân trong nước;
 - Ưu tiên đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty;
 - Có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần ;
 - Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.
- Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phần phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
- Phương thức xử lý cổ phần không phát hành hết: Số lượng cổ phần do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược với giá không thấp hơn mức giá đã công bố cho các nhà đầu tư hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành;
- Miễn thực hiện chào mua công khai trong các trường hợp sau:
 - Chào bán, phát hành cho các tổ chức, cá nhân dẫn đến tỷ lệ sở hữu của các đối tượng chào bán vượt mức sở hữu được quy định tại Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Chào bán dẫn đến tỷ lệ sở hữu cổ phần của một tổ chức hoặc một cá nhân hoặc một nhóm tổ chức, cá nhân và người có liên quan tăng từ 10% trở lên vốn điều lệ của VHE trong một đợt chào bán hoặc nhiều đợt chào bán trong 12 tháng gần nhất.
- Vốn điều lệ dự kiến sau phát hành: 158.400.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tám tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn*);
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Thời điểm phát hành: dự kiến trong năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.

4. Nguyên tắc xác định giá phát hành:

Giá phát hành thêm cổ phiếu cho các cổ đông trong đợt phát hành riêng lẻ của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam là 10.000 đồng/cổ phần, được căn cứ trên giá trị sổ sách của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 (*Số liệu Báo cáo tài chính kiểm toán*)

$$\begin{aligned}\text{Giá trị sổ sách/cổ phiếu} &= \text{Nguồn vốn chủ sở hữu/Số lượng cổ phần đang lưu hành} \\ &= 110.741.943.369 / 8.800.000 \\ &= 12.584 \text{ đồng/ cổ phiếu}\end{aligned}$$

Ngoài ra, giá giao dịch của cổ phiếu VHE trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội trong 02 tháng trở lại đây dao động ở mức từ 4.800 - 6.500 đồng/ cổ phiếu.

Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông hiện hữu, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

5. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng) của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng để trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chi tiết như sau:

STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021
Tổng Cộng		52.800.000.000	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành để đảm bảo phù hợp với tình hình thị trường và tình hình cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo việc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu có) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

6. Ủy quyền:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm chào bán;
- Lựa chọn và quyết định đối tượng cụ thể chào bán cổ phần riêng lẻ theo tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo số lượng chào bán dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông công ty sau khi nhà đầu tư mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ phải phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định ;
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có);
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành;
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành;
- Và các công việc khác có liên quan.

II. PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN THÔNG QUA CHÀO BÁN CỔ PHIẾU CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU:

1. Căn cứ pháp lý đợt phát hành

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2010;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.

2. Mục đích phát hành

Huy động vốn trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Phương án phát hành

- 3.1. Tên Cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- 3.2. Tình hình cổ phần trước khi phát hành:
 - Vốn điều lệ trước khi phát hành : 105.600.000.000 đồng
 - Số lượng cổ phần trước khi phát hành : 10.560.000 cổ phần
- 3.3. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- 3.4. Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng
- 3.5. Số lượng cổ phần dự kiến phát hành thêm: 5.280.000 cổ phần
- 3.6. Tổng giá trị theo mệnh giá cổ phần dự kiến phát hành thêm: 52.800.000.000 đồng
- 3.7. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành: 158.400.000.000 đồng
- 3.8. Số lượng cổ phần dự kiến sau khi phát hành: 15.840.000 cổ phần
- 3.9. Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách chốt danh sách cổ đông để phát hành thêm cổ phiếu.
- 3.10. Tỷ lệ phát hành: 50% (Cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách được quyền mua thêm 05 cổ phiếu phát hành thêm)
- 3.11. Giá phát hành: **10.000 đồng/cổ phiếu**
- 3.12. Nguyên tắc xác định giá phát hành:
 - *Giá trị sổ sách một cổ phiếu CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tại thời điểm 31/12/2019:*

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sổ} \\ \text{sách 1 cổ} \\ \text{phiếu} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số cổ phiếu}} = \frac{110.741.943.369}{8.800.000} = \begin{array}{l} 12.584 \\ \text{đồng/cp} \end{array}$$

- *Theo phương pháp giá trị thị trường:*

Hiện cổ phiếu VHE đang được thực hiện giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Giá giao dịch của cổ phiếu trong 02 tháng trở lại đây dao động ở mức từ 4.800 - 6.500 đồng/ cổ phiếu.

Giá cổ phiếu của Công ty sau phát hành sẽ chịu tác động của việc phát hành thêm 50% cổ phiếu mới so với số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm trước khi phát hành sẽ dẫn đến sự pha loãng của cổ phiếu, mặt khác thị trường chứng khoán hiện tại bị nhiều yếu tố vĩ mô tác động đến tâm lý nhà đầu tư. Trên cơ sở đánh giá các mức giá và yếu tố trên và để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông hiện hữu, HĐQT đề xuất mức giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

3.13. Về Mức độ pha loãng dự kiến sau khi chào bán:

Trong đợt chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu có thể xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm: (i) pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phần - EPS (earning per share); (ii) pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần - BV; (iii) pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết; (iv) pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm.

❖ Rủi ro do pha loãng EPS

Công thức tính toán pha loãng EPS dự kiến như sau:

$$EPS_{pha\ loang} = \frac{E}{Q_{bq}}$$

Trong đó:

$EPS_{pha\ loang}$: Thu nhập trên mỗi cổ phần pha loãng sau đợt chào bán thành công

E : Tổng lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

Q_{bq} : Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ (sau chào bán)

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS) có thể giảm do thu nhập được chia cho số lượng cổ phiếu lớn hơn.

❖ Rủi ro do pha loãng BV

Công thức tính pha loãng BV dự kiến như sau

$$BV = \frac{NVCSH}{Q - CPQ}$$

Trong đó:

$NVCSH$: Nguồn vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông

Q: Tổng số cổ phiếu đã chào bán

CPQ: Tổng số cổ phiếu quỹ

BV: Giá trị sổ sách cổ phiếu

Với việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100:50 với giá 10.000 đồng/cổ phần thì giá trị sổ sách cổ phiếu (BV) năm 2020 có thể giảm nếu tốc độ tăng của Q cao hơn tốc độ tăng của NVCSH.

❖ Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết:

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm mà cổ đông đang sở hữu)

❖ Về mức độ pha loãng của cổ phiếu dự kiến sau khi phát hành

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm của cổ đông hiện hữu, giá của cổ phiếu Công ty sẽ được thị trường điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (PR \times I)}{1 + I} = \frac{5.900 + (10.000 \times 50\%)}{1 + 50\%} = 7.267 \text{ đồng}$$

Trong đó:

P_{tc}: Giá thị trường cổ phiếu sau khi pha loãng

PR_{t-1}: Giá thị trường của cổ phiếu trước khi pha loãng (tạm tính tại ngày 15/06/2020)

I: Tỷ lệ tăng vốn

PR: Giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành mới

- 3.14. Chuyển nhượng quyền mua: Cổ đông chỉ được chuyển nhượng quyền mua 1 lần. Trường hợp cổ đông từ chối quyền mua cổ phiếu chào bán thêm, có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên thứ 2 nhưng bên thứ 2 không được chuyển nhượng tiếp quyền mua cổ phiếu cho bên thứ 3.
- 3.15. Về tỷ lệ chào bán thành công hoặc số tiền tối thiểu cần thu được trong đợt chào bán: Để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 - 2020, tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu dự kiến là 50% (tương đương với số tiền thu được tối thiểu là 26.400.000.000 đồng). Vì vậy, trong trường

hợp đợt chào bán không thành công hoặc không thu đủ số tiền như dự kiến, HĐQT đã có kế hoạch huy động từ nhiều nguồn khác nhau như vay vốn thương mại, vay vốn tín dụng của Ngân hàng....

- 3.16. Nguyên tắc làm tròn: Làm tròn xuống đến hàng đơn vị để xác định số cổ phiếu được quyền mua.
- 3.17. Phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu không chào bán hết: Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số cổ phiếu không chào bán hết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn đối tượng mua phù hợp với giá không thấp hơn giá bán cho các cổ đông hiện hữu.
- Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn và số lượng cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết phân phối cho các đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm.
- 3.18. Thời gian dự kiến phát hành: Dự kiến năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
- 3.19. Cam kết thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung trên thị trường chứng khoán có tổ chức: Công ty cam kết đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán có tổ chức theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành:

Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu dự kiến là 52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng) của đợt phát hành nêu trên dự kiến sẽ dùng để trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chi tiết như sau:

STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021
Tổng Cộng		52.800.000.000	

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành để đảm bảo phù hợp với tình hình thị trường và tình hình cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và báo cáo việc thay đổi mục đích sử dụng vốn (nếu có) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

5. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán cổ phiếu và thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán cổ phiếu với UBCKNN.
- Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
- Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định.
- Lập phương án xử lý số cổ phiếu không chào bán hết (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Lựa chọn đối tượng mua số lượng cổ phiếu lẻ do làm tròn hoặc cổ phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu (tỷ lệ 100:50) với giá mua không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.
- Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.
- Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.
- Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.
- Và các công việc khác có liên quan.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI RIÊNG LẺ

1. Tổ chức phát hành trái phiếu chuyển đổi

Tên tiếng Việt	:	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
Tên viết tắt	:	VINAHERBFOODS.,JSC
Địa chỉ	:	Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(0243) 3816999
Fax	:	(0243) 5990555
Website	:	https://vinaherbfoods.com/
Vốn điều lệ trước khi phát hành trái phiếu chuyển đổi	:	105.600.000.000 VNĐ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm

chức năng - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo -
Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc
la mã.

2. Mục đích phát hành trái phiếu:

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam phát hành trái phiếu là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Cụ thể sẽ sử dụng phần vốn thu được để trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Thông tin về đợt phát hành

1. Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
2. Loại trái phiếu	Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
3. Hình thức trái phiếu	Trái phiếu ghi sổ
4. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu	Đồng Việt Nam
5. Phương thức phát hành trái phiếu	Trực tiếp phát hành theo phương thức phát hành riêng lẻ theo quy định của pháp luật.
6. Số đợt phát hành	01 đợt
7. Tổng giá trị trái phiếu chào bán	52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng)
8. Mệnh giá trái phiếu	100.000 đồng/trái phiếu
9. Số lượng trái phiếu chào bán	528.000 Trái phiếu.
10. Đối tượng chào bán	Đối tác chiến lược. Tiêu chí lựa chọn đối tác chiến lược: - Là tổ chức, cá nhân trong nước; - Ưu tiên đối tác truyền thống, tiềm năng của công ty; - Có tiềm lực về tài chính và khả năng góp vốn nhanh ngay khi đăng ký mua cổ phần ; - Các tiêu chí khác mà HĐQT thấy cần thiết.
11. Ngày phát hành	Dự kiến trong năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
12. Phương thức xử lý trái phiếu không phát hành hết	Số lượng trái phiếu do các nhà đầu tư không đăng ký mua hết sẽ được ủy quyền cho HĐQT phân phối cho các đối tượng khác do HĐQT lựa chọn theo tiêu chí lựa chọn đối

	tác chiến lược với giá không thấp hơn mức giá đã công bố cho các nhà đầu tư hoặc hủy bỏ và kết thúc đợt phát hành;																
13. Thời hạn trái phiếu	02 năm kể từ ngày phát hành																
14. Giá chào bán	Bằng mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu																
15. Lãi suất trái phiếu	6%/ Năm																
16. Thanh toán lãi trái phiếu	Lãi Trái phiếu được thanh toán 01 năm/lần, vào: - Ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu của đợt phát hành. - Ngày Đáo Hạn của Trái phiếu trong đợt phát hành đó.																
17. Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc/lãi trái phiếu	Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành và nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác (bao gồm các nguồn thu từ việc huy động vốn) để thanh toán Gốc trái phiếu trong trường hợp Nhà đầu tư lựa chọn không chuyển đổi và lãi Trái phiếu khi đến hạn.																
18. Biện pháp đảm bảo	Trái phiếu không có tài sản đảm bảo																
19. Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu dự kiến 52.800.000.000 đồng sẽ được sử dụng chi tiết như sau: <table><tr><th>STT</th><th>Đối tượng</th><th>Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành</th><th>Thời hạn thực hiện</th></tr><tr><td>1</td><td>Trả nợ vay tổ chức tín dụng</td><td>22.800.000.000</td><td>Trong năm 2020-2021</td></tr><tr><td>3</td><td>Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)</td><td>30.000.000.000</td><td>Trong năm 2020-2021</td></tr><tr><td colspan="2">Tổng Cộng</td><td>52.800.000.000</td><td></td></tr></table>	STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện	1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021	3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021	Tổng Cộng		52.800.000.000	
STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện														
1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021														
3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021														
Tổng Cộng		52.800.000.000															
20. Ngày chuyển đổi	Là Ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi. Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn ngày chuyển đổi phù hợp.																
21. Thời hạn đề nghị chuyển đổi	Thời hạn đề nghị chuyển đổi là khoảng thời gian mà bất kỳ Người sở hữu trái phiếu nào cũng có thể đăng ký thực hiện Quyền chuyển đổi gắn liền với Trái phiếu của mình bằng cách gửi Đề nghị chuyển đổi cho Tổ chức phát hành và Đề nghị chuyển đổi đó, nếu được gửi hợp lệ đến Tổ chức phát																

	hành theo thông báo sẽ có giá trị ràng buộc với Tổ chức phát hành. Thời hạn đề nghị chuyển đổi và mẫu đề nghị chuyển đổi sẽ do Tổ chức phát hành quyết định và thông báo cho Người sở hữu trái phiếu với điều kiện Thời hạn đề nghị chuyển đổi kéo dài ít nhất 20 ngày làm việc và kết thúc trước mỗi Ngày chuyển đổi tối thiểu 30 ngày làm việc.
22. Quyền chuyển đổi	- Trái chủ được quyền chuyển đổi 100% số lượng trái phiếu Ngày đáo hạn của Trái phiếu; - Trái chủ có thể không thực hiện hoặc thực hiện chuyển đổi một phần Trái phiếu. - Giá trị gốc của trái phiếu không thực hiện chuyển đổi sẽ được thanh toán cho cổ đông vào Ngày đáo hạn của Trái phiếu.
23. Giá chuyển đổi, Phương pháp xác định giá chuyển đổi	Giá chuyển đổi được xác định bằng mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu
24. Tỷ lệ chuyển đổi	Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi = 100:10 Nhà đầu tư sở hữu 10 trái phiếu được chuyển đổi thành 100 cổ phiếu.
25. Phát hành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi	Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời công ty cũng thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung, lưu ký bổ sung số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi. Nguyên tắc làm tròn số cổ phần được chuyển đổi: Khi chuyển đổi Trái phiếu thành cổ phiếu, số cổ phiếu được chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động hủy bỏ.
26. Chuyển nhượng trái phiếu	Trái phiếu hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày phát hành.
27. Quyền lợi của người sở hữu trái phiếu	- Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận. - Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố

	vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.
28. Cam kết công bố thông tin	Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam cam kết sẽ công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi theo đúng quy định về công bố thông tin của pháp luật hiện hành.
29. Quy định về Niêm yết trái phiếu	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp tiến hành các thủ tục đăng ký trái phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Niêm yết trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
30. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị	- Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán trái phiếu và thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu với UBCKNN. - Lựa chọn và quyết định đối tượng cụ thể chào bán trái phiếu riêng lẻ theo tiêu chí đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, đảm bảo số lượng chào bán dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. - Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất. - Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định. - Lập phương án xử lý số trái phiếu không chào bán hết (nếu có) theo quy định của pháp luật. - Triển khai việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc thanh toán lãi định kỳ theo điều khoản điều kiện Trái phiếu phát hành. - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán, và các thủ tục khác liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và giấy phép hoạt động của Công ty. - Và các công việc khác có liên quan.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU

1. Tổ chức phát hành trái phiếu chuyển đổi

Tên tiếng Việt	:	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
Tên viết tắt	:	VINAHERBFOODS.,JSC
Địa chỉ	:	Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Điện thoại	:	(0243) 3816999
Fax	:	(0243) 5990555
Website	:	https://vinaherbfoods.com/
Vốn điều lệ trước khi phát hành trái phiếu chuyển đổi	:	105.600.000.000 VNĐ
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm chức năng - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã.

2. Mục đích phát hành trái phiếu:

Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam phát hành trái phiếu là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng. Cụ thể sẽ sử dụng phần vốn thu được để trả một phần nợ vay tổ chức tín dụng nhằm nâng cao khả năng tự chủ về vốn, giảm áp lực về tài chính cho Công ty và Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Thông tin về đợt phát hành

1. Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
2. Loại trái phiếu	Trái phiếu chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo
3. Hình thức trái phiếu	Trái phiếu ghi sổ
4. Đồng tiền phát hành và thanh toán trái phiếu	Đồng Việt Nam
5. Phương thức phát hành trái phiếu	Trực tiếp phát hành theo phương thức phát hành ra công chúng theo quy định của pháp luật.
6. Số đợt phát hành	01 đợt
7. Tổng giá trị trái phiếu chào bán	52.800.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ tám trăm triệu đồng)
8. Mệnh giá trái phiếu	100.000 đồng/trái phiếu

9. Số lượng trái phiếu chào bán	528.000 Trái phiếu.
10. Đối tượng chào bán	Chào bán cho cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông của công ty tại ngày chốt danh sách hưởng quyền mua Trái phiếu chuyển đổi. Quyền mua được chuyển nhượng 01 lần chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày cuối cùng của thời hạn nộp tiền mua Trái phiếu theo thông báo của Công ty.
11. Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu	Dự kiến là 100 : 5 (tức là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được quyền mua 05 trái phiếu) Tỷ lệ chào bán cho cổ đông hiện hữu phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm thực hiện triển khai Phương án chào bán Trái phiếu và số lượng trái phiếu chào bán thực tế của từng đợt phát hành. Ủy quyền Hội đồng quản trị chi tiết tỷ lệ thực hiện chào bán Trái phiếu chuyển đổi cho cổ đông hiện hữu phù hợp để đảm bảo tổng giá trị trái phiếu chào bán theo Phương án này.
12. Ngày phát hành	Dự kiến trong năm 2020, sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
13. Nguyên tắc làm tròn trái phiếu và phương án xử lý trái phiếu lẻ và trái phiếu không phân phối hết	Trái phiếu được quyền mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Số lượng trái phiếu từ chối mua, trái phiếu lẻ sẽ do Hội đồng quản trị phân phối với giá không thấp hơn giá phát hành cho cổ đông hiện hữu, và theo các điều kiện chuyển đổi tương đương cổ đông hiện hữu. Trái phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trái phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.
14. Thời hạn trái phiếu	02 năm kể từ ngày phát hành
15. Giá chào bán	Bằng mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu
16. Lãi suất trái phiếu	6%/ Năm
17. Thanh toán lãi trái phiếu	Lãi Trái phiếu được thanh toán 01 năm/lần, vào: - Ngày tròn năm thứ nhất kể từ ngày phát hành Trái phiếu của đợt phát hành. - Ngày Đáo Hạn của Trái phiếu trong đợt phát hành đó.

18. Kế hoạch bố trí nguồn thanh toán gốc/lãi trái phiếu	Tổ chức phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ chức phát hành và nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác (bao gồm các nguồn thu từ việc huy động vốn) để thanh toán Gốc trái phiếu trong trường hợp Nhà đầu tư lựa chọn không chuyển đổi và lãi Trái phiếu khi đến hạn.			
19. Biện pháp đảm bảo	Trái phiếu không có tài sản đảm bảo			
20. Phương án sử dụng vốn	Số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu dự kiến 52.800.000.000 đồng sẽ được sử dụng chi tiết như sau:			
	STT	Đối tượng	Dự kiến sử dụng vốn từ đợt phát hành	Thời hạn thực hiện
	1	Trả nợ vay tổ chức tín dụng	22.800.000.000	Trong năm 2020-2021
	3	Bổ sung vốn lưu động (Thanh toán cho nhà cung cấp)	30.000.000.000	Trong năm 2020-2021
	Tổng Cộng		52.800.000.000	
21. Ngày chuyển đổi	Là Ngày đáo hạn của Trái phiếu chuyển đổi. Ủy quyền cho HĐQT công ty lựa chọn ngày chuyển đổi phù hợp.			
22. Thời hạn đề nghị chuyển đổi	Thời hạn đề nghị chuyển đổi là khoảng thời gian mà bất kỳ Người sở hữu trái phiếu nào cũng có thể đăng ký thực hiện Quyền chuyển đổi gắn liền với Trái phiếu của mình bằng cách gửi Đề nghị chuyển đổi cho Tổ chức phát hành và Đề nghị chuyển đổi đó, nếu được gửi hợp lệ đến Tổ chức phát hành theo thông báo sẽ có giá trị ràng buộc với Tổ chức phát hành. Thời hạn đề nghị chuyển đổi và mẫu đề nghị chuyển đổi sẽ do Tổ chức phát hành quyết định và thông báo cho Người sở hữu trái phiếu với điều kiện Thời hạn đề nghị chuyển đổi kéo dài ít nhất 20 ngày làm việc và kết thúc trước mỗi Ngày chuyển đổi tối thiểu 30 ngày làm việc.			
23. Quyền chuyển đổi	- Trái chủ được quyền chuyển đổi 100% số lượng trái phiếu Ngày đáo hạn của Trái phiếu; - Trái chủ có thể không thực hiện hoặc thực hiện chuyển đổi một phần Trái phiếu.			

	- Giá trị gốc của trái phiếu không thực hiện chuyển đổi sẽ được thanh toán cho cổ đông vào Ngày đáo hạn của Trái phiếu.
24. Giá chuyển đổi, Phương pháp xác định giá chuyển đổi	Giá chuyển đổi được xác định bằng mệnh giá 10.000 đồng
25. Tỷ lệ chuyển đổi	Tỷ lệ chuyển đổi = Mệnh giá trái phiếu/Giá chuyển đổi = 100:10 Nhà đầu tư sở hữu 10 trái phiếu được chuyển đổi thành 100 cổ phiếu.
26. Phát hành cổ phiếu tại thời điểm chuyển đổi	Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, Công ty sẽ thực hiện việc phát hành cổ phiếu cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi đó. Đồng thời công ty cũng thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung, lưu ký bổ sung số cổ phiếu được phát hành cho mục đích chuyển đổi. Nguyên tắc làm tròn số cổ phần được chuyển đổi: Khi chuyển đổi Trái phiếu thành cổ phiếu, số cổ phiếu được chuyển đổi sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, phần lẻ sẽ tự động hủy bỏ.
27. Chuyển nhượng trái phiếu	Trái phiếu tự do chuyển nhượng. Trái phiếu lẻ phát sinh do làm tròn từ việc phân phối cho các cổ đông không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Thông tư 162/2015/TT-BTC. Trái phiếu phân phối lại cho các đối tượng khác do cổ đông từ chối quyền mua bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP.
28. Quyền lợi của người sở hữu trái phiếu	- Trái phiếu chuyển đổi được chuyển đổi thành cổ phiếu theo tỷ lệ quy định ở trên và được UBCKNN chấp thuận. - Người sở hữu trái phiếu chuyển đổi được quyền chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu và cầm cố vay vốn trong các quan hệ dân sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp chuyển nhượng, cho, tặng chỉ được thực hiện khi hết thời gian hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phát hành.

29. Cam kết công bố thông tin	Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam cam kết sẽ công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi theo đúng quy định về công bố thông tin của pháp luật hiện hành.
30. Quy định về Niêm yết trái phiếu	ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT lựa chọn thời điểm phù hợp tiến hành các thủ tục đăng ký trái phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và Niêm yết trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
31. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị	- Quyết định thời điểm thực hiện phương án chào bán trái phiếu và thực hiện các thủ tục đăng ký chào bán trái phiếu với UBCKNN. - Chi tiết Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành. Trong trường hợp cần điều chỉnh phương án sử dụng vốn phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp, HĐQT thực hiện điều chỉnh và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất. - Hoàn chỉnh các nội dung khác liên quan đến Phương án Phát hành theo yêu cầu của các cơ quan chức năng để việc huy động vốn được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định. - Lập phương án xử lý số trái phiếu không chào bán hết (nếu có) theo quy định của pháp luật. - Lựa chọn đối tượng mua số lượng trái phiếu không chào bán hết do làm tròn hoặc trái phiếu cổ đông hiện hữu không đăng ký mua hết trong đợt chào bán chứng khoán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá mua không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu. - Triển khai việc phát hành trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc thanh toán lãi định kỳ theo điều khoản điều kiện Trái phiếu phát hành. - Thực hiện các công việc và thủ tục liên quan đến việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán, và các thủ tục khác liên quan đến việc thay đổi vốn điều lệ và giấy phép hoạt động của Công ty. - Và các công việc khác có liên quan.

V. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Lựa chọn thời điểm thực hiện phương án huy động vốn;

- Lựa chọn thực hiện một trong các phương án hoặc kết hợp đồng thời các phương án đảm bảo huy động kịp thời vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2020 - 2021 theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

Bùi Tiến Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/04/2016, cấp thay đổi lần 2 vào ngày 23/04/2018.

**NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH DỰ KIẾN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Thời gian: 07h30' ngày 27 tháng 06 năm 2020

Địa điểm: Số 277, đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội

STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
1	07:30 – 08:30	Đón tiếp đại biểu và cổ đông	Ban tổ chức
		Kiểm tra tư cách cổ đông, phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và tài liệu họp	Ban kiểm tra tư cách đại biểu
2	08:30 – 08:35	Báo cáo kiểm tra tư cách Đại biểu tham dự Đại hội	Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu
3	08:35 – 08:45	Chào cờ, khai mạc Đại hội, giới thiệu Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, thông qua Ban kiểm phiếu	Ban tổ chức
4	08:45 – 09:00	Thông qua Chương trình họp, Quy chế tổ chức và biểu quyết	Chủ tọa
5	09:00 – 09:45	Nội dung các báo cáo, tờ trình: - Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019; - Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019; - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020; - Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 - Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; - Tờ trình thông qua mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020; - Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020; - Tờ trình thông qua việc Thay đổi mô hình quản trị của công ty; Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021;	Đoàn Chủ tịch

STT	Thời gian	Nội dung (dự kiến)	Chủ trì
		- Tờ trình thông qua việc sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; - Tờ trình thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty; - Tờ trình thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và thay đổi số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021; - Tờ trình thông qua Phương án trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu.	
6	09:45 – 10:15	Thảo luận các vấn đề biểu quyết	Chủ tọa
7	10:15 – 10:25	Hướng dẫn biểu quyết	Ban kiểm phiếu
		Đại biểu biểu quyết	
8	10:25 – 10:50	Nghỉ giải lao	
9	10:50 – 10:55	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết	Ban kiểm phiếu
10	10:55 – 11:10	Đọc dự thảo Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Thư ký, chủ tọa
11	11:10 – 11:15	Thông qua Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Chủ tọa
12	11:15 – 11:20	Bế mạc đại hội	Chủ tọa

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2020

GIẤY ỦY QUYỀN

Về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Kính gửi: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam (VHE)

1. Bên ủy quyền:

- Tên cá nhân/tổ chức:.....
- Số CMND/HC/GPĐKKD Số:..... Ngày cấp : Nơi cấp:
- Địa chỉ :
- Điện thoại (bắt buộc ghi):.....
- Số cổ phần sở hữu:
- (Bằng chữ :))

2. Bên được ủy quyền:

- Tên cá nhân :
- Số CMND/HC: Ngày cấp : Nơi cấp:
- Địa chỉ :
- Điện thoại:
- Số cổ phần được ủy quyền :
- (Bằng chữ :))

Hoặc Quý cổ đông có thể ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị của VHE theo danh sách dưới đây bằng cách đánh dấu “X” hoặc ghi số cổ phần vào ô tương ứng:

STT	Họ Tên	Chức danh	Số cổ phần ủy quyền
1	Ông Bùi Tiến Vinh	Chủ tịch HĐQT	
2	Bà Lê Thị Mai	Ủy viên HĐQT	
3	Ông Phạm Công Thành	Ủy viên HĐQT	
4	Ông Nguyễn Thế Hùng	Ủy viên HĐQT	
5	Ông Nguyễn Tài Đức	Ủy viên HĐQT	
6	Ông Nguyễn Đình Công	Ủy viên HĐQT	
Tổng số cổ phần ủy quyền			

3. Nội dung ủy quyền:

Tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và thực hiện quyền biểu quyết. Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của VHE. Bên được ủy quyền không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ VHE.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú :

- Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của tổ chức.
- Đối với trường hợp người được ủy quyền tham dự đại hội hồ sơ bao gồm: Giấy ủy quyền tham dự (theo mẫu công ty) trong đó ghi đầy đủ thông tin, số điện thoại bên ủy quyền, và xuất trình CMTND hoặc hộ chiếu của người được ủy quyền (bản chính).
- Quý cổ đông có thể gửi giấy đăng ký này qua Fax: 024 359 90 555 hoặc mail: congbothongtin@vinaherbfoods.com hoặc đường bưu điện Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam, Địa chỉ: Số 277 Đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội **trước 16h00 ngày 24/06/2020.**

**GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM (VHE)**

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM
VIỆT NAM**

Tên cổ đông :

Địa chỉ:

Số CMND/ĐKKD/Hộ chiếu: Ngày cấp: Nơi cấp:

Số điện thoại: Fax:

Số cổ phần sở hữu:

Số cổ phần nhận ủy quyền (kèm theo giấy ủy quyền):

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết:

Xác nhận tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 – Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tổ chức ngày 27/06/2020 tại Số 277, đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

....., ngày.....tháng.....năm 2020

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Quý cổ đông vui lòng gửi Giấy xác nhận tham dự này bằng đường bưu điện, fax (số: 024 359 90 555), email: congbothongtin@vinaherbfoods.com hoặc gửi trực tiếp tới Văn phòng Công ty trước **16h00** ngày **24/06/2020** theo địa chỉ:

Phòng đầu tư – Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

Số 277 Đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

- Nếu Quý cổ đông nhận ủy quyền tham dự Đại hội, đề nghị gửi Giấy ủy quyền kèm theo Giấy xác nhận tham dự này (Giấy ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty).



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

THẺ BIỂU QUYẾT

MÃ ĐẠI BIỂU: **VHE.XXXXXX**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**

Số lượng cổ phần sở hữu: **X** cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **X** cổ phần

Tổng số lượng cổ phần biểu quyết: X cổ phần



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

PHIẾU BIỂU QUYẾT
MÃ ĐẠI BIỂU: VHE.XXXXXXX



Họ và tên Đại biểu: NGUYỄN VĂN A

Số lượng cổ phần sở hữu: X cổ phần

Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: X cổ phần

Tổng số lượng cổ phần đại diện: X cổ phần

(Quý Đại biểu đánh dấu vào ô Ý kiến lựa chọn theo từng Nội dung biểu quyết)

NỘI DUNG	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
Nội dung 01: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2019	☐	☐	☐
Nội dung 02: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019	☐	☐	☐
Nội dung 03: Thông qua Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch năm 2020	☐	☐	☐
Nội dung 04: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019	☐	☐	☐
Nội dung 05: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020	☐	☐	☐
Nội dung 06: Thông qua mức thù lao cho HĐQT, BKS năm 2019 và kế hoạch năm 2020	☐	☐	☐
Nội dung 07: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	☐	☐	☐
Nội dung 08: Thông qua việc Thay đổi mô hình quản trị của công ty; Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021	☐	☐	☐
Nội dung 09: Thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sửa đổi	☐	☐	☐
Nội dung 10: Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi	☐	☐	☐
Nội dung 11: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT và thay đổi số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021	☐	☐	☐
Nội dung 12: Thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu	☐	☐	☐
Nội dung 13: Thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ	☐	☐	☐

Hướng dẫn:

Cổ đông đánh dấu chọn (X) vào 1 trong 3 ô:

Tán thành/Không tán thành/Không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết.

Ngày 27 tháng 06 năm 2020

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội
Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0107409148 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/04/2016, cấp thay đổi lần 2 vào ngày 23/04/2018.

THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kính gửi cổ đông:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số ĐKNSH:

Mã Đại biểu:

Số lượng sở hữu:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam trân trọng thông báo về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2020 như sau:

1. Thời gian: 08 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 06 năm 2020 (thời gian đón tiếp Cổ đông từ 07 giờ 30 phút, ngày 27/06/2020)

2. Địa điểm: Số 277, đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội.

3. Điều kiện dự họp: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam có tên trong Danh sách cổ đông chốt ngày **10/06/2020** do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp và người được ủy quyền tham dự.

4. Nội dung Đại hội: Nội dung họp và tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của Công ty: **<http://vinaherbfoods.com>**, chuyên mục **Quan hệ cổ đông**.

5. Lưu ý:

- Trường hợp Quý Cổ đông không thể tham dự, có thể ủy quyền bằng văn bản (theo mẫu đính kèm). Mỗi Cổ đông chỉ được ủy quyền 1 lần, người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác, trừ trường hợp cổ đông là tổ chức.

- Khi đi dự Đại hội, đề nghị Quý Cổ đông mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền tham dự họp (trong trường hợp nhận ủy quyền).

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề xuất nội dung vào chương trình họp. Đề xuất trên phải bằng văn bản và gửi về Công ty chậm nhất trước **16h00 ngày 24/06/2020**.

- Mọi chi phí đi lại và ăn ở sẽ do Quý cổ đông tự trang trải.

6. Xác nhận tham dự

Để công tác chuẩn bị được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông (hoặc người được Cổ đông ủy quyền) đăng ký dự họp hoặc gửi giấy ủy quyền chậm nhất **trước 16h00 ngày 24/06/2020** qua một trong các hình thức sau:

- Qua đường bưu điện theo địa chỉ: Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam - Số 277 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam;

- Gửi thư gửi đến địa chỉ Email: **congbothongtin@vinaherbfoods.com**

- Gọi điện thoại tới số (0243) 3816999.

Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông đến tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của Công ty.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2020

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch

BÙI TIẾN VINH

Số : /2020/NQ-ĐHĐCĐ/VHE

Hà Nội, ngày ... tháng 04 năm 2020

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006, Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành ngày 24/11/2010;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 25/04/2020;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam ngày 25 tháng 04 năm 2020.

Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”) thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam tổ chức tại Hội trường tầng 11, Tòa nhà Số 52 đường Lạc Long Quân, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2020 đã thông qua Nghị quyết này với các nội dung sau đây:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua các báo cáo:

- Báo cáo của Hội đồng Quản trị năm 2019 & kế hoạch 2020
- Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2019
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 & kế hoạch năm 2020.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	% tăng giảm so với năm 2019
1	Doanh thu thuần	110.000.000.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	400.000.000	
3	Tỷ lệ cổ tức (dự kiến)	0	
4	Lao động bình quân (người)	8.000.000	

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019.

Điều 3. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2019 và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020:

a) Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức năm 2019 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2019 (ĐVT: Triệu đồng)
1. Lợi nhuận trước thuế	11.295
2. Thuế TNDN phải nộp	2.260
3. Lợi nhuận sau thuế	9.035
4. Phân phối lợi nhuận	0
5. Lợi nhuận để lại từ các năm trước	13.706
6. Tổng lợi nhuận đến hết năm 2019	22.741
7. Đề nghị chia cổ tức	20%
8. Lợi nhuận chuyển năm sau	5.141

b) Chia cổ tức năm 2019

Mức chi trả cổ tức năm 2019: 20%

c) Thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm 2020: 0%.

Điều 4: Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

Điều 5: Thông qua Báo cáo chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2020

Thù lao Hội đồng quản trị

Điều 6: Thông qua Thay đổi mô hình tổ chức quản lý của Công ty:

a) Thay đổi mô hình quản trị, kiểm soát của Công ty

- *Mô hình tổ chức quản lý hiện tại của Công ty:*

Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Ban kiểm soát – Tổng giám đốc.

- *Mô hình tổ chức quản lý đề xuất thay đổi:*

Đại hội đồng cổ đông – Hội đồng quản trị – Tổng giám đốc (theo điểm b, khoản 1, điều 134 - Luật Doanh nghiệp 2014).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện việc thành lập Tiểu ban Kiểm toán nội bộ (trực thuộc Hội đồng quản trị) và tiến hành Rà soát, ban hành các Quy chế nội bộ để công ty có thể áp dụng mô hình tổ chức quản lý mới và các thủ tục đăng ký, thay đổi với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

b) Giải thể Ban kiểm soát và Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2021 kể từ ngày 27/06/2020, để phù hợp với phương án chuyển đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp 2014.

Điều 7: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty

Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty cho phù hợp với quy định pháp luật và mô hình quản trị, kiểm soát mới.

Nội dung chi tiết các quy định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình số ... Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 8: Thông qua Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty cho phù hợp với quy định pháp luật và mô hình quản trị, kiểm soát mới.

Nội dung chi tiết các quy định sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình số ... Các quy định của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 9: Thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021

a) Miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam đối với Ông Lê Hữu Lợi kể từ ngày 04/12/2019;

b) Thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 là 06 thành viên

Điều 10: Thông qua Phương án trả cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu

- *Khối lượng dự kiến phát hành:* 1.760.000 cổ phần (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn cổ phần)
- *Mệnh giá:* 10.000 đồng/cổ phần
- *Tổng giá trị phát hành:* 17.600.000.000 (Mười bảy tỷ sáu trăm triệu đồng)
- *Loại cổ phiếu:* Cổ phiếu phổ thông
- *Mục đích phát hành:* Tăng vốn điều lệ công ty bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.
- *Đối tượng phát hành:* Tất cả các cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam có tên trong danh sách Người sở hữu cổ phần tại ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách) để phát hành cổ phiếu trả cổ tức do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.
- *Nguồn vốn phát hành:* Nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thời điểm 31/12/2019 trên Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam.
- *Tỷ lệ thực hiện:* 100:20 (Cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được nhận 20 cổ phần phát hành thêm)
- *Phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh:* Số lượng cổ phiếu mỗi Cổ đông được nhận khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị theo nguyên tắc làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) sẽ được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá bằng mệnh giá là 10.000 đồng/ cổ phiếu. Nếu tổng số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ mà vẫn phát sinh cổ phiếu lẻ thì tiếp tục được làm tròn xuống đến hàng đơn vị và số cổ phiếu lẻ do Công ty mua lại sẽ bị hủy bỏ.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 118 cổ phiếu tại ngày chốt danh sách cổ đông. Với tỷ lệ phân bổ quyền 100:20 cổ đông A sẽ nhận được cổ phiếu phát hành thêm được tính như sau: $118 : 100 \times 20 = 23,6$. Cổ đông Nguyễn Văn A nhận được 23,6 cổ phiếu mới. Theo nguyên tắc tính toán trên, số

lượng 0,6 cổ phiếu lẻ sẽ được Công ty mua lại với giá 10.000 đồng làm cổ phiếu quỹ. Như vậy, cổ đông A sẽ được nhận 23 cổ phiếu mới và 6.000 đồng tiền mặt.

- *Đăng ký lưu ký và niêm yết bổ sung:* Số cổ phần phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký và niêm yết tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngay sau khi hoàn tất việc phát hành phù hợp với quy định của pháp luật.

Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

- *Thời gian thực hiện dự kiến:* Quý III, IV/2020 sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

- *Ủy quyền cho Hội đồng quản trị:*

Triển khai phương án phát hành chi tiết, lựa chọn thời điểm phát hành và thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Sửa đổi các điều liên quan đến vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu.

Thực hiện các thủ tục đăng ký kinh doanh với Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành.

Hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đăng ký niêm yết chứng khoán bổ sung trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quy định pháp luật hiện hành.

Và các công việc khác có liên quan.

Điều 11: Thông qua Phương án huy động vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 theo tờ trình số

Điều 10: Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và các phòng ban liên quan, có trách nhiệm thi hành nghị quyết này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2020

CHỦ TỌA

BÙI TIẾN VINH

ĐIỀU LỆ



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
IV. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY.....	9
Điều 5. Quyền của Công ty.....	9
Điều 6. Trách nhiệm của Công ty	10
V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, TRÁI PHIẾU.	12
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	12
Điều 8. Chứng nhận Cổ phiếu	13
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	14
Điều 11. Cổ phần ưu đãi	15
Điều 12. Chứng khoán khác, Trái phiếu	16
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16
Điều 13. Mô hình quản trị.....	Error! Bookmark not defined.
VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	17
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	17
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông	18
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 18. Các đại diện theo ủy quyền.....	22
Điều 19. Thay đổi các quyền	23
Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	25

Điều 22. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông..	26
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 24. Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	33
VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	33
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	34
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	38
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	40
Điều 31. Các tiêu ban của Hội đồng quản trị	
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	44
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	48
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	48
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	48
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	48
Điều 36. Thư ký Công ty	49
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	50
Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng	50
Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	50
Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	51
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	52
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	52
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	53
Điều 41. Công nhân viên và công đoàn	53
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	53
Điều 42. Phân phối lợi nhuận	53
Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	54

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	54
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	54
Điều 45. Năm tài chính	54
Điều 46. Chế độ kế toán.....	54
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	55
Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	55
Điều 48. Báo cáo thường niên	55
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	55
Điều 49. Kiểm toán.....	55
XVII. CON DẤU	56
Điều 50. Con dấu	56
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	56
Điều 51. Chấm dứt hoạt động.....	56
Điều 52. Gia hạn hoạt động	57
Điều 53. Thanh lý	57
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	58
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	58
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	58
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	58
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	59
Điều 56. Ngày hiệu lực	59

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này gồm 57 điều ("**Điều Lệ**") được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty thường niên được tổ chức vào ngày 27 tháng 06 năm 2020, thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 18/04/2018, được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.

b. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.

c. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.

d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, ngày 25 tháng 04 năm 2016.

e. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 27 của Điều lệ này.

f. "Người quản lý doanh nghiệp" là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

g. "Công ty" là Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam;

h. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty Cổ Phần Dược Liệu Và Thực Phẩm Việt Nam

i. "Cổ Đông Lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

j. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.

k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

l. "Tiểu ban Kiểm toán" có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam
- Tên tiếng Anh: Viet Nam Herbs and Foods Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VINAHERBFOODS.,JSC

2. Công ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Số 277 đường Vạn Xuân, Xã Hạ Mỗ, Huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội, Việt Nam

4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51.2 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52.2 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty

a. Đầu tư và phát triển các dự án đồ uống thảo dược từ thiên nhiên chất lượng cao tại Việt Nam;

b. Tạo lợi nhuận cho các Cổ Đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội.

2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm	4632
2	Bán buôn đồ uống	4633
3	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
4	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
5	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
6	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng	4722

	chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh	
7	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
8	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10	Dịch vụ đóng gói	8292
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
12	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
13	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
14	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất thực phẩm chức năng; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã);	1079 (Chính)
15	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
16	Sản xuất rượu vang	1102
17	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
18	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
19	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 5. Quyền của Công ty

Công ty có quyền:

1. Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ Đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Công ty.

2. Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương, và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Công ty.

3. Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp Luật cấm; mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường.

4. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty theo quy định của Pháp Luật; mở (các) tài khoản giao dịch trong nước.

5. Chia tách, sáp nhập, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty.

6. Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp Luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của Pháp Luật.

8. Từ chối và không chấp nhận các đề nghị cung cấp tài chính không được quy định bởi Pháp Luật từ bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích cộng đồng.

9. Quyết định giá mua, giá bán của các nguyên vật liệu, trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, trừ trường hợp một số sản phẩm và dịch vụ có giá do Chính Phủ quyết định.

10. Sử dụng vốn và quỹ của Công ty để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.

11. Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp Luật. Phụ thuộc vào phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty và theo quy định của Pháp Luật, Công ty có thể niêm yết, hủy niêm yết cổ phiếu của mình trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

12. Thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố tài sản, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác phù hợp với Pháp Luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.

13. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ Đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của Pháp Luật và quyết định của HĐQT.

14. Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.

15. Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng.

16. Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư, và nhà thầu để giúp đỡ Công ty.

17. Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Pháp Luật.

18. Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp, ký kết các thỏa thuận, văn bản hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty.

19. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 6. Trách nhiệm của Công ty

Công ty chịu trách nhiệm:

1. Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh phù hợp với

các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước (i) các Cổ Đông về kết quả kinh doanh của Công ty, và (ii) khách hàng của mình và Pháp Luật về các sản phẩm do Công ty cung cấp.

2. Lập chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Công ty cũng như nhu cầu của thị trường.

3. Ký kết và tổ chức thực hiện các loại hợp đồng với các đối tác.

4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia việc quản lý Công ty thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác.

5. Tuân thủ các quy định Pháp Luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.

6. Tuân thủ các Chế độ kế toán và thống kê, chuẩn bị các bản báo cáo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHĐCĐ, và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo đó.

7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định Pháp Luật.

8. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

9. Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về Chế độ báo cáo tài chính, thống kê – kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi Pháp Luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực trong các báo cáo tài chính của Công ty.

10. Bảo toàn, phát triển vốn và các khoản quỹ của Công ty.

11. Hoàn thành các quy định liên quan đến các hạng mục thu, chi trong bảng cân đối kế toán của Công ty.

12. Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thật về hoạt động của Công ty theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp Luật.

13. Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật.

14. Tuân thủ mọi điều khoản của Điều Lệ này và chịu trách nhiệm đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều Lệ của Công ty.

V. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 88.000.000.000 VND (Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty chi tiết trong Phụ lục 01 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 01 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo được quy định tại Điều 14 và Điều 15 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 02 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ

thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Vốn điều lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp luật sẽ được áp dụng.

Điều 8. Chứng nhận Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trường hợp, cổ phiếu được cấp dưới dạng chứng chỉ phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Liên quan tới Cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.

7. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và/hoặc công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Công ty/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán [các khoản tiền có liên quan] và lãi phát

sinh theo tỷ lệ (không quá 10% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 11. Cổ phần ưu đãi

1. Phụ thuộc vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty có thể có cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- a) Cổ phần ưu đãi cổ tức;
- b) Cổ phần ưu đãi hoàn lại;
- c) Cổ phần ưu đãi khác do Pháp luật hoặc Điều lệ công ty quy định.

2. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

3. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

5. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Chứng khoán khác, Trái phiếu

1. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi, chứng quyền và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

4. Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

6. Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc.

VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc các hình thức khác do pháp luật quy định, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ trường hợp quy định tại Điều 119.3 và Điều 126.1 của Luật doanh nghiệp;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại Điều 27.2;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;

e. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Tiểu ban Kiểm Toán trực tiếp thực hiện và báo cáo.

f. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa (1/2) so với đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 144.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 166.3d. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 166.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.6 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 177.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Các đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại Điều 188.3, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp đồng thời có sự nhất trí của những người nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 166.4b hoặc Điều 16.4b.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- g. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp;

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 144.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 20 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất **10%** cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng.

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 20.3 của Điều lệ này.

5. Cổ đông có thể tham dự Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Trực tiếp tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông. Riêng chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

- a. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- b. Loại cổ phần và số lượng cổ phần của từng loại;
- c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- d. Loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán;
- e. Việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp;

f. Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều này.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 23.2 Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức

bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến; Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử đều không hợp lệ;

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp ;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

9. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành trừ những trường hợp quy định tại điều 23.3 điều lệ này.

10. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý

kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Điều 148.2 Luật doanh nghiệp;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VIII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ

từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và người điều hành khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;

d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;

e. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

f. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại người điều hành đó;

g. Đề xuất các loại cổ phần có thể phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

h. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

i. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

j. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

k. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;

l. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

m. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

n. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

o. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác hoặc người đại diện của Công ty theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty, quyết định mức lương và quyền lợi khác của họ. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

q. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

r. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê, mua công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1.000.000.000 đồng Việt Nam;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và những người điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị; cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp của Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp;
- d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
- f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ Đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- g. Phê duyệt toàn bộ các chiến lược đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nhân sự; Phê duyệt việc mở tài khoản giao dịch với các ngân hàng;
- h. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- i. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

j. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị đến dưới mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;

k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty.

l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng với người lao động trong công ty; trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

m. Quyết định số lượng nhân viên; khen thưởng, kỷ luật; mức lương, phụ cấp và quyền lợi khác (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

n. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.

o. Kiến nghị số lượng và tiêu chuẩn của các người điều hành khác mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành công ty.

p. Ủy quyền cho các nhân viên quản lý thực hiện các quyền hạn khác của mình;

q. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bảng dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của công ty;

r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày từ chức hoặc bị bãi miễn.

4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) thành viên thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
- d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải

chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ trụ sở chính của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 38.5a và Điều 38.5b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản .

15. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng

quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

3. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của Tiểu ban Kiểm toán

3.1. Cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán: Phần lớn thành viên của Tiểu ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán sẽ được quy định tại Quy chế Quản trị Công ty.

3.2. Ít nhất 01 (một) thành viên của Tiểu ban Kiểm toán có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.

3.3 Tiểu ban Kiểm toán có những quyền hạn và trách nhiệm dưới đây:

a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;

c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;

f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;

- Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.

j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty và quy định Pháp Luật.

3.4. Tiểu ban Kiểm toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3.5. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Tiểu ban Kiểm toán.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có

hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm 01 (một) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

3. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

c. Không phải là người đã bị phán quyết đã làm cho công ty mà họ đã từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và thông qua.

b. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.

c. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động quản lý của Công ty.

d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

4. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ

hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hay người có liên quan của họ không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội

đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 27 và Điều 36.4 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, , báo

cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ công ty phải được công bố trên website của công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán

khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 của Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng đã soát xét và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng đã soát xét và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, hoặc thông qua danh sách các công

ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của Công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhất trí thông qua vào ngày 26 tháng 04 năm 2016, sửa đổi bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày bất thường ngày 24/01/2018, sửa đổi bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 18/04/2018 , sửa đổi bổ sung lần 3 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 27/06/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương
- b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Người đại diện theo pháp luật

PHỤ LỤC 01

**CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ TỔNG CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN
NAY**

STT	Tháng	Vốn điều lệ	Ghi chú
1	04/2016	20.000.000.000 VNĐ	
2	12/2017	88.000.000.000 VNĐ	Phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược

PHỤ LỤC 02

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

TT	Tên cổ đồng	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Loại cổ phần	Số cổ phần	Tỉ lệ	Số CMND
1	Bùi Tiến Vinh	Số 324 đường Vạn Xuân, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, Hà Nội	Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	17,05%	111379932
2	Phạm Công Thành	Số 163B tổ 9C,P Trung Liệt, Q. Đống Đa, Hà Nội	Cổ phiếu phổ thông	250.000	2,84%	011945178
3	Nguyễn Thế Hùng	Số 3 ngách 111/16 đường Ô Diên, xã Hạ Mỗ, Đan Phượng, Hà Nội	Cổ phiếu phổ thông	250.000	2,84%	111865957

Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Điều lệ hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017/NĐ – CP là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Quy định tại Điều lệ công ty hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
PHẦN MỞ ĐẦU	PHẦN MỞ ĐẦU	
Điều lệ này gồm <u>57</u> điều (“Điều Lệ”) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty <u>bất thường</u> được tổ chức vào <u>ngày 18 tháng 04 năm 2018</u> , thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày <u>18/01/2018</u> , được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.	Điều lệ này gồm 56 điều (“Điều Lệ”) được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty được tổ chức <i>thường niên</i> vào <i>ngày 25 tháng 04 năm 2020</i> , thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày <i>18/04/2018</i> , được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.	<i>Cập nhật thời gian sửa đổi</i>

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Điều 1. Định nghĩa	Điều 1. Định nghĩa	
Không có	1.1. “Tiểu ban Kiểm toán” có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh nghiệp;	<i>Chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty	
4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. <u>Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc</u> là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.	4. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. <u>Chủ tịch HĐQT</u> là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều lệ này và trong Quy chế Quản trị của Công ty.	<i>Theo quy định của Khoản 2 Điều 12 và Khoản 2 Điều 37 Nghị định 71/2017: “Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng từ ngày 01/08/2020.”</i>
VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	VI. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	
Điều 13. <u>Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</u> Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. <u>Ban kiểm soát</u> ; d. Tổng giám đốc.	Điều 13. Mô hình quản trị Mô hình quản trị của Công ty bao gồm: a. Đại hội đồng cổ đông; b. Hội đồng quản trị; c. Tổng giám đốc.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	VII. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 14. Quyền của cổ đông	Điều 14. Quyền của cổ đông	
3.a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> theo quy định tương ứng tại các Điều 27.3 <u>và Điều 36.4</u> ;	3.a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Điều 27.3;	<i>Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
3.d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam <u>và các báo cáo của Ban kiểm soát</u> ;	3.d. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam;	<i>Bỏ các báo cáo của Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
3.e. Yêu cầu <u>Ban kiểm soát</u> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.	3.e. Yêu cầu <i>Hội đồng quản trị</i> kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; <i>Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Tiểu ban Kiểm Toán trực tiếp thực hiện và báo cáo.</i>	<i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	

3.c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;	3.c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;	<i>Bỏ Ban Kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
3.e. <u>Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</u>	3.e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	<i>Do thay đổi mô hình quản trị, bỏ Ban Kiểm soát.</i>
3.f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	Chuyển nội dung sang mục 3.e	
4.a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 16.3d <u>và Điều 16.3e</u> . Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	4.a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 16.3d. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.	<i>Bỏ dẫn chiếu đến Ban Kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại	4.b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều	<i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không</i>

Điều 16.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, <u>Ban kiểm soát phải</u> thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều <u>136.5</u> Luật Doanh nghiệp. <u>4.c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 16.4b thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 16.3d có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều 136.6 Luật doanh nghiệp.</u> Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	16.4a thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, <i>Cổ đông, nhóm Cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền</i> thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Điều <i>136.6</i> Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	<i>có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
<u>4.d.</u> Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	<u>4.c.</u> Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.	<i>Điều chỉnh thứ tự khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i>
<u>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; <u>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</u> c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;	<u>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u> 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ các báo cáo của Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>

d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	
2.e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị <u>và Ban kiểm soát</u> ;	2.e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
2.k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;	2.k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 20. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	
2.e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> ;	2.e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ đông	4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. <u>Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất</u> điều khiển để Đại hội đồng cổ	<i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>

bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	đồng bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;	
Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
2.c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị <u>và Ban kiểm soát.</u>	2.c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị <u>và Ban kiểm soát</u> phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị <u>hoặc Kiểm soát viên</u> được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.	5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.	<i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	

3.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.	3.6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Người phụ trách Quản trị công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.	<i>Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	
Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên , Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 14.3 có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	
c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất; o. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và người điều hành hoặc người đại diện của Công ty theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty, quyết định mức lương và quyền lợi khác của họ. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	c. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị từ 15% (mười lăm phần trăm) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất; d. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 15% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty; p. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng	

	giám đốc và người quản lý quan trọng khác hoặc người đại diện của Công ty theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty, quyết định mức lương và quyền lợi khác của họ. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);	Thay thế “Người quản lý quan trọng khác” cho “Người điều hành” để phù hợp với nội dung tại Điểm f Khoản 1 Điều 1 Điều lệ công ty
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	
1. <u>Đại hội đồng cổ đông hoặc</u> Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc công ty, việc chấp thuận này phải được gia hạn theo từng năm vào các kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên.</u>	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.</i>	Theo quy định của Khoản 2 Điều 12 và Khoản 2 Điều 37 Nghị định 71/2017: “Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng từ ngày 01/08/2020.”
<u>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, các thành viên còn lại bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.</u> <u>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm</u>	<i>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</i> <i>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</i> <i>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cho cuộc họp Hội đồng quản trị; cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>c. Triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp;</i> <i>d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</i>	Điều chỉnh để nêu rõ quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Người đại diện theo pháp luật.

<u>tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</u>	<i>e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>f. Có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ Đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</i> <i>g. Phê duyệt toàn bộ các chiến lược đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nhân sự; Phê duyệt việc mở tài khoản giao dịch với các ngân hàng bổ nhiệm miễn nhiệm thuộc thẩm quyền của hội đồng quản trị và các cấp quản lý cao cấp thuộc ban điều hành. Chủ tịch Hội đồng quản trị cũng là người phê duyệt việc mở tài khoản giao dịch với các ngân hàng;</i> <i>h. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</i> <i>i. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính, thương mại mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</i> <i>j. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị đến dưới mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất;</i>	
--	--	--

	k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty. l. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng với người lao động trong công ty; trừ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. m. Quyết định số lượng nhân viên; khen thưởng, kỷ luật; mức lương, phụ cấp và quyền lợi khác (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị. n. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ. o. Kiến nghị số lượng và tiêu chuẩn của các người điều hành khác mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành công ty. p. Ủy quyền cho các nhân viên quản lý thực hiện các quyền hạn khác của mình;	
--	--	--

	q. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bảng dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của công ty; r. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật. 4. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho (các) thành viên thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.	
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp,	Điều chỉnh do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.

cuộc họp, các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Ban kiểm soát; b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; c. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; d. Thành viên độc lập.	các vấn đề cần bàn và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị. d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.	7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Hội đồng quản trị.	
<u>9.e. Kiểm soát viên có quyền dự họp cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</u>	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
<u>15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội</u>	15. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	<i>Chuyển đổi sang Điều 30. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</i>

<u>đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</u>		
16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.	Chuyển nội dung sang mục 15	
Không có	<i>Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị</i> <i>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất 03 (ba) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</i>	<i>Do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>

	2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. 3. Các quy định liên quan đến cơ cấu tổ chức, chức năng của Tiểu ban Kiểm toán. 3.1. Cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán: Phần lớn thành viên của Tiểu ban Kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của Tiểu ban Kiểm toán sẽ được quy định tại Quy chế Quản trị Công ty. 3.2. Ít nhất 01 (một) thành viên của Tiểu ban Kiểm toán có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán. 3.3 Tiểu ban Kiểm toán có những quyền hạn và trách nhiệm dưới đây: a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại	
--	--	--

	<i>khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;</i> <i>b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;</i> <i>c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;</i> <i>d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</i> <i>e. Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;</i>	
--	--	--

	f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty; g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên; h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty; i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty: - Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này; - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập; - Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập. j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty và quy định Pháp Luật.	
--	---	--

	3.4. Tiểu ban Kiểm toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao. 3.5. Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Tiểu ban Kiểm toán.	
Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	
4.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> ;	4.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
4.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị <u>và Kiểm soát viên</u> ;	4.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	IX. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý	Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	<i>Điều chỉnh thứ tự khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i>
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp	Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	
2. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;	3. Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập, quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;	

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. <i>c. Không phải là người đã bị phán quyết đã làm cho công ty mà họ đã từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.</i>	
<u>3. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:</u> <u>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u> <u>b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</u> <u>c. Kiến nghị số lượng và các chức danh người điều hành mà Công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các</u>	<u>4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</u> <u>a. Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và thông qua.</u> <u>b. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua.</u> <u>c. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động quản lý của Công ty.</u> <u>d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</u>	

<u>điều khoản khác của hợp đồng lao động của những người điều hành;</u> <u>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</u> <u>e. Vào ngày 10 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</u> <u>f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;</u> <u>g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</u> <u>h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu</u>		
--	--	--

<u>chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</u> <u>i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động Tổng giám đốc và pháp luật.</u>		
<u>Điều 35. Thư ký Công ty</u>	<u>Điều 36. Thư ký Công ty</u>	
<u>X. BAN KIỂM SOÁT</u>	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
<u>Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng</u>	<u>Điều 37. Trách nhiệm cẩn trọng</u>	
Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.	Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty.	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. 4. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này. 4. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>

chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác. 5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối	- công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác. 5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu trong các trường hợp sau đây: a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;	
---	---	--

quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này; c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành hay người có liên quan của họ không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hay người có liên quan của họ không được phép sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà	Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cưỡng và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>

không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. 3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau.	phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. 3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau.	
XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty,	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i>

danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, <u>các báo cáo của Ban kiểm soát</u>, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật. 3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	<i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
<u>XII. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	<u>XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</u>	
<u>Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</u>	<u>Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</u>	
2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội	3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ	<i>Bỏ các báo cáo của Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát</i>

đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, <u>các báo cáo của Ban kiểm soát</u> , báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	<i>theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
<u>XIII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	<u>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</u>	<i>Điều chỉnh thứ tự khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i>
<u>Điều 42. Công nhân viên và công đoàn</u>	<u>Điều 41. Công nhân viên và công đoàn</u>	
<u>XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	<u>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</u>	
<u>Điều 43. Phân phối lợi nhuận</u>	<u>Điều 42. Phân phối lợi nhuận</u>	
<u>Điều 44. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</u>	<u>Điều 43. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận</u>	
<u>XV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</u>	<u>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</u>	
<u>Điều 45. Tài khoản ngân hàng</u>	<u>Điều 44. Tài khoản ngân hàng</u>	
<u>Điều 46. Năm tài chính</u>	<u>Điều 45. Năm tài chính</u>	
<u>Điều 47. Chế độ kế toán</u>	<u>Điều 47. Chế độ kế toán</u>	
<u>XVI. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	<u>XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</u>	
<u>Điều 48. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</u>	<u>Điều 47. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý</u>	

Điều 49. Báo cáo thường niên	Điều 48. Báo cáo thường niên	
<u>XVII.</u> KIỂM TOÁN CÔNG TY	<u>XVI.</u> KIỂM TOÁN CÔNG TY	
<u>Điều 50.</u> Kiểm toán	<u>Điều 49.</u> Kiểm toán	
<u>XVIII.</u> CON DẤU	<u>XVII.</u> CON DẤU	
<u>Điều 51.</u> Con dấu	<u>Điều 50.</u> Con dấu	
<u>XIX.</u> CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	<u>XVIII.</u> CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	
<u>Điều 52.</u> Chấm dứt hoạt động	<u>Điều 51.</u> Chấm dứt hoạt động	
<u>Điều 53.</u> Gia hạn hoạt động	<u>Điều 52.</u> Gia hạn hoạt động	
<u>Điều 54.</u> Thanh lý	<u>Điều 53.</u> Thanh lý	
<u>XX.</u> GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	<u>XIX.</u> GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	
<u>Điều 55.</u> Giải quyết tranh chấp nội bộ	<u>Điều 54.</u> Giải quyết tranh chấp nội bộ	
1.b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc hay người điều hành khác.	1.b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014.</i>
<u>XXI.</u> BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	<u>XX.</u> BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	<i>Điều chỉnh thứ tự khoản mục phù hợp không ảnh hưởng đến nội dung.</i>
<u>Điều 56.</u> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	<u>Điều 55.</u> Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	
<u>XXII.</u> NGÀY HIỆU LỰC	<u>XXI.</u> NGÀY HIỆU LỰC	
<u>Điều 57.</u> Ngày hiệu lực	<u>Điều 56.</u> Ngày hiệu lực	
1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhất trí thông	1. Bản điều lệ này gồm XXII chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam nhất trí thông qua vào	<i>Cập nhật thời gian sửa đổi Điều lệ</i>

qua vào ngày 26 tháng 04 năm 2016 , sửa đổi bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày bất thường ngày 24/01/2018, sửa đổi bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 18/04/2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này	ngày 26 tháng 04 năm 2016, sửa đổi bổ sung lần 1 tại Đại hội đồng cổ đông ngày bất thường ngày 24/01/2018, sửa đổi bổ sung lần 2 tại Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 18/04/2018, <i>sửa đổi bổ sung lần 3 tại Đại hội đồng cổ đông thương niên ngày 25/04/2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</i>	
--	---	--

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017/NĐ – CP là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ/ĐHĐCĐ-VINAHERB ngày 02 tháng 04 năm 2018</i>	<i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2020/NQ/ĐHĐCĐ-VINAHERB ngày 27 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Cập nhật thời gian sửa đổi điều lệ</i>
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên	1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị,	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát , Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.	Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
1.a. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ;	1.a. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm); Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm); Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm); <u>Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (Phụ lục 4 đính kèm);</u> Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (Phụ lục 5 đính kèm);	Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm); Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm); Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm); Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (Phụ lục 4 đính kèm); Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 5 đính kèm);	<i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 6 đính kèm); Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc (Phụ lục 7 đính kèm); Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 8 đính kèm); Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 9 đính kèm).	Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Phụ lục 6 đính kèm); Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 7 đính kèm); Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 8 đính kèm).	
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	
<u>3. Ban kiểm soát</u> <u>Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.</u>	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng	2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i>

quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.	phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.	<i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
<u>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u> <u>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</u> <u>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u> <u>b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</u> <u>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</u> <u>d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</u>	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

<u>e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</u>		
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
<u>Điều 10.</u> Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	<i>Điều 9.</i> Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	
<u>Điều 11.</u> Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	<i>Điều 10.</i> Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	
<u>Điều 12.</u> Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	<i>Điều 11.</i> Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	
2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ 30% đến dưới 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <i>từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm (35%))</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	
<u>Điều 13.</u> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<i>Điều 12.</i> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, <u>Ban kiểm soát</u> hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo; 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị <u>từ 5% đến dưới 20%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ 10% đến dưới 30%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp. <u>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được</u>	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo. 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ <i>đến dưới 15% (mười lăm phần trăm)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>đến dưới 15% (mười lăm phần trăm)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp. <i>8. Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014;</i> <i>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty</i>

<u>quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</u>		
Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	Điều 14. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	
Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị <u>và thành viên Ban kiểm soát.</u>	1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
	Điều 20. Thành lập và hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán	
	1. Tiêu chuẩn của Thành viên Tiểu ban Kiểm toán - Các thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành sẽ chiếm đa số trong Tiểu ban Kiểm toán; - HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán và kiểm toán (có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan) và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty.	

	- Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán sẽ có chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng về quản lý rủi ro, hoạt động, tuân thủ. 2. Quyền hạn và trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty; b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó; c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản	
--	--	--

	lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 37 và Điều 38 của Điều lệ công ty thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý; d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này; f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty; g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên; h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;	
--	---	--

	i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty: - Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này; - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập; - Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập. j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty, và quy định Pháp Luật. 3. Cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán: Tiểu ban Kiểm toán tiến hành họp hoặc thảo luận định kỳ hàng quý trước cuộc họp quý của HĐQT. Thành phần tối thiểu của một cuộc họp là 2/3 thành viên. - Tùy theo công việc được phân công, thành viên Tiểu ban Kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với lãnh đạo các đơn vị thuộc Ban điều hành;	
--	---	--

	- Tiểu ban Kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định; - Trưởng Tiểu ban Kiểm toán có thể triệu tập cuộc họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong Tiểu ban để thảo luận về các chủ đề riêng biệt.	
Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	
3.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> ;	3.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
3.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị <u>và Kiểm soát viên</u> ;	3.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;	
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT	Không có	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Điều 22. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	

2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. c. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật.	2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. c. Không phải là người đã bị phán quyết đã làm cho công ty mà họ đã từng lãnh đạo trước đây bị phá sản. d. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	<i>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty</i>
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	
1. Tổng giám đốc là người điều hành doanh nghiệp mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ	1. Tổng giám đốc là người điều hành doanh nghiệp mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.	<i>Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty</i>

được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty. <u>2. Tổng giám đốc có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u> <u>3. Tổng giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp.</u>	2. <i>Bỏ điều khoản này</i> 3. <i>Bỏ điều khoản này</i>	
CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người điều hành doanh nghiệp	Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người điều hành doanh nghiệp	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công	<i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 6. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không	ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc	
---	--	--

được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	
4.a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	4.a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
4.b. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;	4.b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 37. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc	Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	
Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm</u>	Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng	<i>Bỏ Kiểm soát viên, Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý</i>

<u>soát viên</u> , Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> trong các trường hợp sau	giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau	và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 42. Ngày hiệu lực	Điều 37. Ngày hiệu lực	
3. Hội đồng Quản trị, <u>Ban Kiểm soát</u> , Ban Tổng giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	3. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1.b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> ;	1.b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	
3.c. Số thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên	3.c. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ	Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014

quy định tại Điều lệ này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; <u>f. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u>	này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; <u>f. Bỏ điều khoản này</u>	
Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
<u>3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</u> 4. Trường hợp <u>Ban kiểm soát</u> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế <u>Ban kiểm soát</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	4. Trường hợp <i>Hội đồng quản trị</i> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế <i>Hội đồng quản trị</i> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường	4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i>

hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;	thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	<i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
2.e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.	2.e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường	Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường	
3.a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập	3.a. Có đề nghị của thành viên độc lập	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 4. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	<i>Bỏ khoản mục này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	

3. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, ...	3. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, Tiểu ban kiểm toán nội bộ ,...	<i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014 nên cần thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ</i>
Không có	Điều 7. Tiểu ban kiểm toán nội bộ	
	1. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Trưởng ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các chức năng sau: a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;	<i>Bổ sung theo Điều 31 Điều lệ công ty</i>

	<i>b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;</i> <i>c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;</i> <i>d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</i> <i>e. Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;</i>	
--	--	--

	<i>f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;</i> <i>g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;</i> <i>h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;</i> <i>i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:</i> <i>- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;</i> <i>- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</i> <i>- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</i> <i>- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;</i>	
--	--	--

	- <i>Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.</i> <i>1. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</i>	
PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>BAN KIỂM SOÁT</u> VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau: a) Nguyên tắc làm việc; <u>b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS;</u> c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc; <u>d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và BKS.</u> 2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.	1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau: a) Nguyên tắc làm việc; b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc; 2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành.	Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Nguyên tắc phối hợp	Điều 3. Nguyên tắc phối hợp	
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:	Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với	1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát</i>

thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau	viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau	<i>theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác.	Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Phạm vi điều chỉnh	Điều 3. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:	1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 4. Đối tượng áp dụng	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Trùng lặp với Điều 2 Phụ lục này</i>
Điều 5. Khen thưởng	Điều 4. Khen thưởng	
1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Xử lý vi phạm và kỷ luật	Điều 5. Xử lý vi phạm và kỷ luật	
Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu	Thành viên Hội đồng quản trị và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.	sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.	
<i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt, dẫn chiếu và số thứ tự của các Điều, Khoản do thêm hoặc bớt 1 số Điều, Khoản trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung.</i>		

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU VÀ THỰC PHẨM VIỆT NAM**

Ghi chú:

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Quy định tại Quy chế hiện hành” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề nghị sửa đổi” là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Luật DN 2014 là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Thông tư 95/2017/TT – BTC là Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- Nghị định 71/2017/NĐ – CP là Nghị số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do sửa đổi
<i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2018/NQ/ĐHĐCĐ-VINAHERB ngày 02 tháng 04 năm 2018</i>	<i>(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2020/NQ/ĐHĐCĐ-VINAHERB ngày 27 tháng 06 năm 2020</i>	<i>Cập nhật thời gian sửa đổi điều lệ</i>
CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên	1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông đồng thời thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các Thành viên Hội đồng quản trị,	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát , Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.	Ban Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông.	
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	Điều 2. Giải thích thuật ngữ	
1.a. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ;	1.a. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	Điều 3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm); Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm); Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm); <u>Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên (Phụ lục 4 đính kèm);</u> Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (Phụ lục 5 đính kèm);	Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm các nội dung chủ yếu sau: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (Phụ lục 1 đính kèm); Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị (Phụ lục 2 đính kèm); Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị (Phụ lục 3 đính kèm); Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (Phụ lục 4 đính kèm); Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 5 đính kèm);	<i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp (Phụ lục 6 đính kèm); Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc (Phụ lục 7 đính kèm); Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 8 đính kèm); Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 9 đính kèm).	Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Phụ lục 6 đính kèm); Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác (Phụ lục 7 đính kèm); Lựa chọn người phụ trách quản trị nội bộ Công ty (Phụ lục 8 đính kèm).	
CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	CHƯƠNG II. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	
Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	Điều 4. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty	
<u>3. Ban kiểm soát</u> <u>Ban kiểm soát là cơ quan thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty trong việc quản lý và điều hành công ty.</u>	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	CHƯƠNG III. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CỔ ĐÔNG	
Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng	2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị vi	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i>

quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u>, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.	phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các nghị quyết đó vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.	<i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
<u>Điều 9. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</u> <u>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:</u> <u>a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u> <u>b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</u> <u>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</u> <u>d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</u>	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

<u>e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</u>		
CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG V. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
<u>Điều 10.</u> Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	<i>Điều 9.</i> Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	
<u>Điều 11.</u> Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	<i>Điều 10.</i> Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	
<u>Điều 12.</u> Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	<i>Điều 11.</i> Thẩm quyền của Hội đồng quản trị	
2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ 30% đến dưới 50%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	2. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <i>từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm (35%))</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>từ mười lăm phần trăm (15%) đến dưới ba mươi lăm phần trăm (35%)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật doanh nghiệp.	
<u>Điều 13.</u> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<i>Điều 12.</i> Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị	
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, <u>Ban kiểm soát</u> hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo; 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị <u>từ 5% đến dưới 20%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <u>từ 10% đến dưới 30%</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp. <u>8. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trong trường hợp ký kết hợp đồng với những người được</u>	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập, chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản trị và phân công thành viên Hội đồng quản trị chuẩn bị nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc hoặc người điều hành khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo. 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ <i>đến dưới 15% (mười lăm phần trăm)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>đến dưới 15% (mười lăm phần trăm)</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp. <i>8. Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014;</i> <i>Sửa đổi theo Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty</i>

<u>quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.</u>		
Điều 15. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	Điều 14. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền	
Điều 16. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 15. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	
Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 17. Thù lao, tiền lương và các khoản lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị <u>và thành viên Ban kiểm soát.</u>	1. Các thành viên Hội đồng quản trị được chi trả các chi phí cần thiết có liên quan đến quản lý của Công ty; được hưởng thù lao và tiền thưởng. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức cụ thể thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
	Điều 20. Thành lập và hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán	
	1. Tiêu chuẩn của Thành viên Tiểu ban Kiểm toán - Các thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành sẽ chiếm đa số trong Tiểu ban Kiểm toán; - HĐQT sẽ quyết định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán và kiểm toán (có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan) và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty.	

	- Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán sẽ có chuyên môn và kinh nghiệm đa dạng về quản lý rủi ro, hoạt động, tuân thủ. 2. Quyền hạn và trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty; b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó; c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản	
--	--	--

	lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 37 và Điều 38 của Điều lệ công ty thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý; d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này; f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty; g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên; h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;	
--	---	--

	i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty: - Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này; - Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán; - Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc; - Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập; - Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập. j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty, và quy định Pháp Luật. 3. Cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán: Tiểu ban Kiểm toán tiến hành họp hoặc thảo luận định kỳ hàng quý trước cuộc họp quý của HĐQT. Thành phần tối thiểu của một cuộc họp là 2/3 thành viên. - Tùy theo công việc được phân công, thành viên Tiểu ban Kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với lãnh đạo các đơn vị thuộc Ban điều hành;	
--	---	--

	- Tiểu ban Kiểm toán làm việc theo cơ chế biểu quyết đa số. Trường hợp một vấn đề có số biểu quyết ngang nhau thì biểu quyết bên có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định; - Trưởng Tiểu ban Kiểm toán có thể triệu tập cuộc họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong Tiểu ban để thảo luận về các chủ đề riêng biệt.	
Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	Điều 21. Người phụ trách quản trị công ty	
3.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị <u>hoặc Ban kiểm soát</u> ;	3.b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
3.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị <u>và Kiểm soát viên</u> ;	3.f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;	
CHƯƠNG VI. BAN KIỂM SOÁT	Không có	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG VII: BAN ĐIỀU HÀNH	CHƯƠNG VI: BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 27. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	Điều 22. Thành phần và tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	

2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. c. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật.	2. Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc phải có tiêu chuẩn sau: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp. b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty. c. Không phải là người đã bị phán quyết đã làm cho công ty mà họ đã từng lãnh đạo trước đây bị phá sản. d. Các tiêu chuẩn điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.	<i>Bổ sung theo Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty</i>
Điều 28. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng giám đốc	
1. Tổng giám đốc là người điều hành doanh nghiệp mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ	1. Tổng giám đốc là người điều hành doanh nghiệp mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty.	<i>Sửa đổi theo Khoản 4 Điều 35 Điều lệ công ty</i>

được giao. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty. <u>2. Tổng giám đốc có quyền quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị dưới 5% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</u> <u>3. Tổng giám đốc có quyền quyết định thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp.</u>	2. <i>Bỏ điều khoản này</i> 3. <i>Bỏ điều khoản này</i>	
CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	CHƯƠNG VIII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	
Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người điều hành doanh nghiệp	Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người điều hành doanh nghiệp	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan. 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công	<i>Bỏ Ban kiểm soát, Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u>, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 6. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không	ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác. 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin. 4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. 6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc	
---	--	--

được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.	
Điều 31. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	Điều 26. Giao dịch với cổ đông, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này	
4.a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	4.a. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
4.b. Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;	4.b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các người điều hành khác và người có liên quan của các đối tượng này;	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
CHƯƠNG IX: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG VIII: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN	
Điều 37. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u>, Tổng giám đốc	Điều 32. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	
Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm</u>	Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng	<i>Bỏ Kiểm soát viên, Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý</i>

<u>soát viên</u> , Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> trong các trường hợp sau	giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau	và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
CHƯƠNG XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	CHƯƠNG X: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	
Điều 42. Ngày hiệu lực	Điều 37. Ngày hiệu lực	
3. Hội đồng Quản trị, <u>Ban Kiểm soát</u> , Ban Tổng giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	3. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty Cổ phần Dược liệu và thực phẩm Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1.b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> ;	1.b. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014
Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	
3.c. Số thành viên Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên	3.c. Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ	Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014

quy định tại Điều lệ này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; <u>f. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</u>	này- trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba; <u>f. Bỏ điều khoản này</u>	
Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 5. Thẩm quyền Triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
<u>3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 phụ lục này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;</u> 4. Trường hợp <u>Ban kiểm soát</u> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế <u>Ban kiểm soát</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	4. Trường hợp <i>Hội đồng quản trị</i> không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 phụ lục này thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền thay thế <i>Hội đồng quản trị</i> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Điều 6. Nhiệm vụ của Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông	
4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường	4. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy</i>

hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ;	thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	<i>định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
2.e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.	2.e. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường	Điều 4. Cuộc họp định kỳ và bất thường	
3.a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập	3.a. Có đề nghị của thành viên độc lập	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 4. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	<i>Bỏ khoản mục này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 5: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	PHỤ LỤC 4: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 3. Các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	

3. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, ...	3. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị bao gồm: Tiểu ban Chính sách phát triển, Tiểu ban nhân sự, Tiểu ban lương thưởng, Tiểu ban kiểm toán nội bộ ,...	<i>Do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014 nên cần thành lập Tiểu ban kiểm toán nội bộ</i>
Không có	Điều 7. Tiểu ban kiểm toán nội bộ	
	1. Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm tối thiểu 03 thành viên, do một thành viên Hội đồng quản trị độc lập là Trưởng ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên Hội đồng quản trị và một số thành viên khác (không phải là thành viên Hội đồng quản trị), do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các chức năng sau: a. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;	<i>Bổ sung theo Điều 31 Điều lệ công ty</i>

	<i>b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó;</i> <i>c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;</i> <i>d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</i> <i>e. Xem sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;</i>	
--	--	--

	<i>f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty;</i> <i>g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;</i> <i>h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty;</i> <i>i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:</i> <i>- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;</i> <i>- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</i> <i>- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</i> <i>- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;</i>	
--	--	--

	- <i>Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.</i> <i>1. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</i>	
PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>BAN KIỂM SOÁT</u> VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	PHỤ LỤC 7: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau: a) Nguyên tắc làm việc; <u>b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS;</u> c) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc; <u>d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Tổng giám đốc và BKS.</u> 2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát</u> và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.	1. Phụ lục này quy định về trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, bao gồm nội dung chính sau: a) Nguyên tắc làm việc; b) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Tổng giám đốc; 2. Công ty ban hành quy định trên cơ sở tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc điều hành.	Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc điều hành.	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Nguyên tắc phối hợp	Điều 3. Nguyên tắc phối hợp	
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:	Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 5. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Bỏ Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>KIỂM SOÁT VIÊN</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	PHỤ LỤC 8: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với	1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát</i>

thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau	viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau	<i>theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 2. Đối tượng áp dụng	Điều 2. Đối tượng áp dụng	
Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác.	Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 3. Phạm vi điều chỉnh	Điều 3. Phạm vi điều chỉnh	
1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> , Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:	1. Phụ lục này quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác, bao gồm nội dung chính sau:	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 4. Đối tượng áp dụng	<i>Bỏ điều khoản này</i>	<i>Trùng lặp với Điều 2 Phụ lục này</i>
Điều 5. Khen thưởng	Điều 4. Khen thưởng	
1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, <u>thành viên Ban kiểm soát</u> , Tổng giám đốc theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	<i>Bỏ thành viên Ban kiểm soát do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>
Điều 6. Xử lý vi phạm và kỷ luật	Điều 5. Xử lý vi phạm và kỷ luật	
Thành viên Hội đồng quản trị, <u>Kiểm soát viên</u> và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu	Thành viên Hội đồng quản trị và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình	<i>Bỏ Kiểm soát viên do chuyển sang mô hình tổ chức quản lý và hoạt động không có Ban kiểm soát theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 134 LDN 2014</i>

trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.	sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.	
<i>Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt, dẫn chiếu và số thứ tự của các Điều, Khoản do thêm hoặc bớt 1 số Điều, Khoản trong Điều lệ để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung.</i>		